

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HS-ST

Ngày 24 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Châu Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Khánh T, sinh ngày 18/11/1987, tại tỉnh B

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B (nay là xã T, tỉnh V); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R và bà Lê Hồng H; có vợ tên Nguyễn Thị Hoàng Thu T1 (đã ly hôn) và 01 con.

Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 20/12/2022 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 100/2022/HS-ST, chấp hành án xong vào ngày 03/01/2025.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 07/4/2017 bị Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố H xử phạt 02 năm tù tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt của hai tội là 03 năm tù theo Bản án số 34/2017/HSST, chấp hành án xong ngày 19/02/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2025 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Quang T2, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số A1, đường N, phường A2, thành phố V, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 21/3/2025, bị cáo Trần Khánh T đi xe hon đa khách từ nơi thường trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh B đến nhà người quen tại đường P, phường D, thành phố V hỏi mượn tiền nhưng không mượn được tiền. Sau đó, bị cáo T đi bộ đến Quảng trường thành phố V thuộc phường A, thành phố V ngồi uống nước tại quán ven đường. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu FUTURE, biển số 64B2-503.75 của anh Lê Quang T2 đang đậu tại Quảng trường, chìa khóa còn gắn trên ổ khóa xe. Bị cáo T quan sát xung quanh không có ai trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo T đi đến chiếc xe và ngồi lên xe mở khóa đề máy cho xe lùi lại khỏi nơi đậu xe khoảng 02m, nhưng đề máy xe không chạy vì xe có gắn khóa chống trộm nên hệ thống chống trộm báo động. Lo sợ bị phát hiện, bị cáo T xuống xe bỏ chạy thì bị anh T2 nhìn thấy nên anh T2 đuổi theo khoảng 30m bắt được bị cáo T giao Công an xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh V kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu bạc nâu đen, số loại FUTURE, biển số 64B2-503.75 trị giá 22.187.500 đồng.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSTPVL ngày 27/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Trần Khánh T tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Trần Khánh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Khánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trần Khánh T. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Khánh T từ 02 năm - 02 năm 06 tháng tù. Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 ba lô màu đen có chữ SPORT, đã qua sử dụng; 01 áo thun sọc ngang màu xanh-đen-trắng, đã qua sử dụng; 01 quần thun màu xanh-đen (loại quần thể dục), đã qua sử dụng do bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Án phí: Buộc bị cáo Trần Khánh T nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Khánh T không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp và trình bày lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Bị cáo Trần Khánh T có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 100/2022/HS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù, chấp hành án xong vào ngày 03/01/2025, chưa được xóa án tích. Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 21/3/2025, bị cáo T đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu FUTURE, biển số 64B2-503.75 của ông Lê Quang T2 đang đậu tại Quảng trường thành phố V. Vì xe có gắn khóa chống trộm nên hệ thống chống trộm báo động, bị cáo T xuống xe bỏ chạy nhưng bị hại Lê Quang T2 nhìn thấy đuổi theo bắt được bị cáo T giao Công an xử lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, lén lút trộm cắp một chiếc xe mô tô biển số 64B2-503.75 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Quang T2 có giá trị 22.187.500 đồng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội của địa phương. Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Khánh T tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều

52 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, một lần bị xử phạt tù nhưng bị cáo không cải tạo, sửa chữa được bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cần phải bị xử lý với một hình phạt nghiêm tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo không nghề nghiệp, không tài sản nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Quang T2 đã nhận lại tài sản 01 chiếc xe mô tô hiệu FUTURE, biển số 64B2-503.75, không còn yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Xử lý vật chứng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T không yêu cầu nhận lại tài sản cá nhân gồm 01 ba lô màu đen có chữ SPORT, đã qua sử dụng; 01 áo thun sọc ngang màu xanh-đen-trắng, đã qua sử dụng; 01 quần thun màu xanh-đen (loại quần thể dục), đã qua sử dụng. Do đây là vật không giá trị nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

[5] Án phí: Buộc bị cáo Trần Khánh T nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trần Khánh T.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Khánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Khánh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Trần Khánh T được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/3/2025.

3. Xử lý vật chứng:

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau:

Tịch thu, tiêu hủy 01 ba lô màu đen có chữ SPORT, đã qua sử dụng; 01 áo thun sọc ngang màu xanh-đen-trắng, đã qua sử dụng; 01 quần thun màu xanh-đen (loại quần thể dục), đã qua sử dụng.

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Khánh T nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo Trần Khánh T, vắng mặt bị hại. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Cơ quan thi hành án hình sự: 1;
- Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND xã T, huyện M,
- Tỉnh B (xã T, tỉnh V): 1;
- Bị cáo: 1;
- Bị hại: 1;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

